

Số: 685/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 636/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lâm Văn A, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Ngô Thị Mỹ H, sinh năm 1977

Địa chỉ: đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Ông A và bà H tự nguyện chung sống vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 89, quyển số: 01/2010/P14, cấp ngày 22/6/2010. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà H là hợp pháp.

Ông A và bà H chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, hai bên không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên thường xuyên tranh cãi khiến cho cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài nhưng không giải quyết được. Cả hai đã ly thân 03 năm nay, mặc dù nhiều lần cố gắng hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện nay, ông A và bà H xác định tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên là có cơ sở chấp nhận..

[2] Về con chung: Có 01 tên Lâm Ngô Linh N, sinh ngày 07/7/2010. Hai bên thỏa thuận giao cháu N cho bà H trực tiếp nuôi, ông A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Xét việc thỏa thuận nuôi con của các đương sự cũng như nguyện vọng của cháu N muốn được sống với bà H khi cha mẹ ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về các vấn đề khác: Không có.

[6] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông A và bà H nộp theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Văn A và bà Ngô Thị Mỹ H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Ông A có trách nhiệm giao con tên Lâm Ngô Linh N, sinh ngày 07/7/2010 cho bà H trực tiếp nuôi, ông A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 08/2020 cho đến khi con chung thành niên.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu ông A chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông A phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông A và bà H nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí mà ông A và bà H đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0068070 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- UBND Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:
(để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy chứng nhận kết hôn số: 89,
quyển số: 01/2010/P14, cấp ngày 22/6/2010;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương